

QUYẾT ĐỊNH số 632 — NV ngày 15-11-1968 phê chuẩn việc thành lập hai thị trấn nông trường thuộc tỉnh Sơn-la.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ nghị định số 130 — CP ngày 29-9-1968 và các quyết định bổ sung của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ;

Căn cứ quyết định số 56 — CP ngày 24-4-1963 của Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm cho Bộ Nội vụ phê chuẩn việc phân vạch địa giới có liên quan đến các đơn vị hành chính xã và thị trấn;

Theo đề nghị của Ủy ban hành chính tỉnh Sơn-la,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay phê chuẩn việc thành lập các thị trấn nông trường thuộc tỉnh Sơn-la như sau :

— Thị trấn nông trường Mộc-châu trực thuộc huyện Mộc-châu ;

— Thị trấn nông trường Tô Hiệu trực thuộc huyện Mai-son và sáp nhập các chòm dân cư khu vực Hát-lót thuộc thị trấn nông trường Tô Hiệu quản lý.

Điều 2. — Ủy ban hành chính tỉnh Sơn-la, các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ chính quyền địa phương Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 15 tháng 11 năm 1968

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thư trưởng

TÔ QUANG ĐẦU

QUYẾT ĐỊNH số 677 — NV ngày 7-12-1968 phê chuẩn việc thành lập một thị trấn nông trường thuộc tỉnh Hà-tĩnh.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ nghị định số 130 — CP ngày 29-9-1961 và các quyết định bổ sung của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ;

Căn cứ quyết định số 56 — CP ngày 24-4-1963 của Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm cho Bộ Nội vụ phê chuẩn việc phân vạch địa giới có liên quan đến các đơn vị hành chính xã và thị trấn;

Theo đề nghị của Ủy ban hành chính tỉnh Hà-tĩnh;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay phê chuẩn việc thành lập thị trấn nông trường Thạch-ngọc trực thuộc huyện Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh.

Điều 2. — Ủy ban hành chính tỉnh Hà-tĩnh, các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ chính quyền địa phương Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 7 tháng 12 năm 1968

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thư trưởng

TÔ QUANG ĐẦU

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 323 - TC/TQD ngày 6-8-1968 ban hành chế độ quản lý tài chính hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ nghị định số 197-CP ngày 7-11-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ nghị quyết số 100-CP ngày 3-7-1968 của Hội đồng Chính phủ về nguyên tắc quản lý tài chính hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và giao trách nhiệm cho Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý tài chính hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành chế độ quản lý tài chính hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nhằm giúp hợp tác xã tăng cường quản lý kinh tế — tài chính, đẩy mạnh phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, mở rộng xây

dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, cải thiện từng bước đời sống xã viên, củng cố quan hệ sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa.

Điều 2. — Chế độ quản lý tài chính hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp áp dụng cho tất cả các hợp tác xã sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Các hợp tác xã nghề cá, nghề muối, nghề vận tải... có chế độ quản lý tài chính riêng.

Điều 3. — Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn việc thực hiện chế độ quản lý tài chính hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp cho phù hợp với trình độ phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, với đặc điểm các ngành nghề sản xuất, kinh doanh và trình độ tổ chức của hợp tác xã ở địa phương; lãnh đạo Ủy ban hành chính cấp dưới và phối hợp các ngành liên quan của tỉnh, thành phố thường xuyên kiểm tra, giúp đỡ hợp tác xã thực hiện chế độ quản lý tài chính của Nhà nước; nâng cao không ngừng trình độ quản lý tài chính trong hợp tác xã.

Điều 4. — Căn cứ vào chế độ quản lý tài chính hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, Ủy ban hành chính các khu tự trị, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định chế độ quản lý tài chính thích hợp đối với các hợp tác xã cùng tiêu, các tổ sản xuất thủ công nghiệp.

Căn cứ vào chế độ quản lý tài chính hợp tác xã nông nghiệp và chế độ quản lý tài chính hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, Ủy ban hành chính các khu tự trị, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định chế độ quản lý tài chính thích hợp cho bộ phận sản xuất thủ công nghiệp trong hợp tác xã nông nghiệp.

Điều 5. — Chế độ quản lý tài chính hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp bắt đầu thi hành từ ngày ban hành. Những điều quy định trước đây về quản lý tài chính hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trái với chế độ này đều bãi bỏ.

Hà-nội, ngày 6 tháng 8 năm 1968

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng
TRỊNH VĂN BÌNH

CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH HỢP TÁC XÃ TIỂU CÔNG NGHIỆP, THỦ CÔNG NGHIỆP

Chương 1

NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG HỢP TÁC XÃ TIỂU CÔNG NGHIỆP, THỦ CÔNG NGHIỆP

Điều 1. — Tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp giữ vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp là một chính sách lớn và lâu dài trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; đồng thời là một yêu cầu cấp thiết trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay, nhằm góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế địa phương, phục vụ chiến đấu và bảo đảm đời sống của nhân dân.

Hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp là tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa do xã viên làm chủ. Được sự giúp đỡ to lớn của Nhà nước, hợp tác xã phải ra sức phát huy tinh thần làm chủ tập thể, ý thức tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng hợp tác xã, phải tiến hành sản xuất, kinh doanh, phân phối theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phải tổ chức quản lý theo nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa.

Trong công tác quản lý hợp tác xã, quản lý tài chính có vị trí rất quan trọng; nó nhằm mục đích phục vụ và thúc đẩy phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, phục vụ đời sống của xã viên, bảo đảm nghĩa vụ đối với Nhà nước, tăng cường quản lý hợp tác xã và củng cố quan hệ sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa.

Điều 2. — Công tác quản lý tài chính hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp có những nhiệm vụ sau đây:

— Động viên mọi nguồn vốn của hợp tác xã để đảm bảo duy trì và mở rộng sản xuất, quản lý chặt chẽ, phân phối và sử dụng vốn hợp lý, tiết kiệm, ngăn ngừa lãng phí, tham ô, nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất với mức hao phí ít nhất;

— Thực hiện phân phối thu nhập của hợp tác xã, bảo đảm nghĩa vụ đối với Nhà nước, đồng thời bảo đảm tích lũy thích đáng cho hợp tác xã, bảo đảm thu nhập hợp lý và phúc lợi tập thể của xã viên, theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước;

— Bảo vệ tốt tài sản của hợp tác xã và của Nhà nước, không ngừng củng cố và tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật của hợp tác xã và sử dụng các tài sản đó vào sản xuất, kinh doanh với hiệu quả kinh tế cao;

— Bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách, chế độ quản lý kinh tế — tài chính của Đảng và Nhà nước trong hợp tác xã ;

— Giám đốc chặt chẽ mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, phân phối của hợp tác xã, nhằm thúc đẩy sản xuất, giúp hợp tác xã tăng cường quản lý, thực hành tiết kiệm, phân phối thu nhập hợp lý, bảo vệ quyền lợi của hợp tác xã và của xã viên, củng cố quan hệ sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa.

Điều 3. — Quản lý tài chính hợp tác xã phải vừa bảo đảm quyền làm chủ tập thể của hợp tác xã và xã viên, vừa bảo đảm quyền lãnh đạo tập trung và quản lý thống nhất của Nhà nước ; phải quán triệt những nguyên tắc sau đây :

— Quản lý dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của hợp tác xã và xã viên ;

— Quản lý theo đúng chính sách, chế độ của Nhà nước, nội quy của hợp tác xã ;

— Quản lý thống nhất, có kế hoạch và theo chế độ hạch toán kinh tế ;

— Kết hợp đúng đắn lợi ích của Nhà nước, lợi ích của hợp tác xã và lợi ích của xã viên.

Chương II

QUẢN LÝ THU CHI TÀI CHÍNH VÀ PHÂN PHỐI THU NHẬP TRONG HỢP TÁC XÃ

Điều 4. — Nhằm tích cực khai thác mọi khả năng của hợp tác xã, bảo đảm tái sản xuất mở rộng, hợp tác xã phải tăng cường quản lý thu chi tài chính và thực hiện chế độ hạch toán kinh tế.

Hợp tác xã phải xác định các khoản thu, chi, từng kỳ sản xuất, kinh doanh, phải nắm vững các khoản thu, tính toán chặt chẽ các khoản chi về sản xuất, kinh doanh, bảo đảm các khoản thuế Nhà nước và xác định thu nhập của hợp tác xã để phân phối cho công lao động của xã viên và xây dựng các quỹ không chia của hợp tác xã (dưới đây gọi tắt là thu nhập để phân phối).

a) Các khoản thu của hợp tác xã gồm có :

1. Thu về sản xuất, kinh doanh : làm gia công, bán sản phẩm, bán phế liệu, phế phẩm ; sửa chữa, phục vụ ; vận tải thuê cho bên ngoài ; cho thuê máy móc, nhà xưởng ; chăn nuôi ; trồng trọt... ;

2. Thu khác : lãi tiền gửi ngân hàng Nhà nước ; tiền nhượng bán hoặc thanh toán tài sản cố định ; tiền được bồi thường ; thu về phúc lợi tập thể... ;

3. Các khoản : thuế được trích giảm ; biểu, tặng, thưởng bằng tiền hay bằng hiện vật ; đầu tư và vay nợ...

Đối với các khoản thuế được trích giảm, các khoản biểu, tặng cho hợp tác xã ; các khoản tiền nhượng, bán hoặc thanh toán tài sản cố định... phải tùy tính chất từng khoản mà đưa vào các quỹ của hợp tác xã.

b) Các khoản chi của hợp tác xã gồm có :

1. Chi về sản xuất, kinh doanh : hao phí vật chất, chi phí quản lý và chi phí tiêu thụ.

Hao phí vật chất, chủ yếu là các hao phí về vật tư dùng cho sản xuất, bao gồm :

— Chi phí về nguyên liệu chính, về vật liệu phụ, về nhiên liệu, về động lực mua ngoài dùng cho sản xuất ;

— Chi phí phân xưởng, như chi phí khấu hao, sửa chữa tài sản cố định, phân bổ vật rẻ tiền mau hỏng ; tiền thuê máy móc, nhà xưởng dùng cho sản xuất và thuộc phạm vi phân xưởng, v.v...

Chi phí quản lý là các khoản chi về quản lý chung cho toàn hợp tác xã, như tiền khấu hao tài sản cố định và phân bổ vật rẻ tiền mau hỏng thuộc phạm vi quản lý hành chính, chi phí hành chính, tiếp tân, hội nghị, lãi tiền vay ngân hàng Nhà nước, v.v...

Chi phí tiêu thụ là các khoản chi để tiêu thụ sản phẩm như : bao bì đóng gói, bốc xếp vận chuyển...

2. Chi về kiến thiết cơ bản và mua sắm máy móc dụng cụ.

3. Chi về phúc lợi tập thể, bảo hiểm xã hội, giáo dục, khen thưởng.

Điều 5. — Để bảo đảm tái sản xuất, từng kỳ sản xuất, kinh doanh hợp tác xã phải bù đắp đầy đủ các hao phí vật chất, chi phí quản lý, tiêu thụ và không ngừng tăng cường thu nhập để phân phối của hợp tác xã. Sau khi nộp thuế doanh nghiệp hoặc thuế hàng hóa cho Nhà nước, hợp tác xã tiến hành phân phối thu nhập.

a) Việc phân phối thu nhập trong hợp tác xã phải căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh, phải theo nguyên tắc phân phối theo lao động (chiều cố lao động có kỹ thuật, có nghiệp vụ) và bảo đảm quan hệ đúng đắn về 3 mặt :

— Làm đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo đúng chính sách, chế độ ;

— Tăng tích lũy của hợp tác xã để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, và tăng cường nguồn vốn kinh doanh ;

— Phân phối thu nhập cho xã viên một cách công bằng, hợp lý, dân chủ, nâng dần phúc lợi tập thể, giải quyết các yêu cầu về bảo hiểm xã hội, từng bước cải thiện đời sống cho xã viên.

b) Việc phân phối thu nhập trong hợp tác xã thực hiện theo trình tự sau đây :

— Nộp thuế lợi tức doanh nghiệp cho Nhà nước theo đúng chính sách, chế độ ;

— Trích nộp các khoản lên liên hiệp hợp tác xã thủ công nghiệp cấp trên theo chế độ quy định ;

— Phân phối thu nhập cho công lao động trực tiếp và gián tiếp của xã viên ;

— Trích các quỹ tích lũy và quỹ công ích của hợp tác xã.

Trường hợp sản xuất, kinh doanh có nhiều khó khăn, thu nhập quá thấp thì hợp tác xã dành phần thu nhập cần thiết và động viên khả năng trong nội bộ để bảo đảm đời sống cho xã viên ; tùy tình hình cụ thể hợp tác xã có thể được Nhà nước giúp đỡ như giảm thuế, miễn thuế hoặc hoãn trả nợ ngân hàng, v.v... theo chính sách, chế độ hiện hành.

Trường hợp sản xuất phát triển và thu nhập tăng, hợp tác xã bảo đảm mức thu nhập hợp lý cho xã viên, đồng thời tăng cường các quỹ của hợp tác xã, chú ý quỹ tích lũy đối với những ngành nghề cần tiến lên nửa cơ giới và cơ giới hóa và quỹ công ích để nâng dần phúc lợi tập thể và giải quyết các yêu cầu về bảo hiểm xã hội.

Dự án phân phối thu nhập của hợp tác xã phải được liên hiệp hợp tác xã thủ công nghiệp, thủ công nghiệp xét duyệt trước khi thi hành.

Điều 6. — Hợp tác xã phải bảo đảm các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng được tiến hành có kế hoạch. Hợp tác xã phải lập kế hoạch tài chính cùng một lúc với kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Kế hoạch tài chính phải toàn diện, phản ánh đầy đủ mọi khoản thu, tính toán chặt chẽ mọi khoản chi, cân đối thu chi và có tác dụng kiểm tra các mặt cân đối của kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

Nội dung kế hoạch thu chi tài chính bao gồm :

— Kế hoạch chi tiết doanh thu về sản xuất kinh doanh ;

— Kế hoạch thu nhập và phân phối thu nhập ;

— Kế hoạch khấu hao tài sản cố định ;

— Kế hoạch thu chi quỹ tích lũy và quỹ khấu hao ;

— Kế hoạch thu chi quỹ công ích ;

— Kế hoạch thu chi tiền mặt ;

— Kế hoạch vay vốn dài hạn và ngắn hạn của ngân hàng Nhà nước ;

— Kế hoạch vốn lưu động.

Khi lập kế hoạch tài chính, hợp tác xã phải xây dựng các định mức kinh tế, kỹ thuật của hợp tác xã căn cứ vào các định mức kinh tế, kỹ thuật trung bình tiên tiến của ngành. Trong quá trình thực hiện kế hoạch, hợp tác xã phải phấn đấu thực hiện các định mức kinh tế, kỹ thuật đã xây dựng.

Các hợp tác xã cần mua sắm máy móc, thiết bị hoặc xây dựng nhà xưởng sản xuất phải lập kế hoạch kiến thiết cơ bản ; hợp tác xã phải cân nhắc, tính toán kỹ để việc mua sắm, xây dựng, phục vụ thiết thực cho sản xuất, tránh lãng phí, phô trương. Hợp tác xã phải xác định rõ nhiệm vụ, phải có thiết kế, phải tính toán cụ thể và dự trù cân đối vật tư, lao động, tiền vốn và phải đưa nhanh công trình vào sản xuất. Hợp tác xã phải quyết toán công trình sau khi làm xong và báo cáo cho toàn thể xã viên biết.

Các hợp tác xã chưa đủ điều kiện xây dựng kế hoạch tài chính và kế hoạch kiến thiết cơ bản với đầy đủ nội dung như trên, thì lập dự trù thu chi đơn giản theo mẫu biểu hướng dẫn.

Kế hoạch hoặc dự trù thu chi tài chính của hợp tác xã phải được liên hiệp hợp tác xã thủ công nghiệp, thủ công nghiệp xét duyệt.

Điều 7. — Hợp tác xã là một đơn vị thống nhất sản xuất, kinh doanh, một đơn vị thống nhất quản lý tài chính. Hợp tác xã phải tập trung quản lý mọi khoản chi theo kế hoạch và chế độ thống nhất. Các trường cửa hàng có thể được ủy nhiệm thu một số khoản, nhưng phải kịp thời tập trung các khoản thu đó lên hợp tác xã đúng thời gian quy định.

Các khoản chi về phúc lợi tập thể, về bảo hiểm xã hội, về giáo dục, khen thưởng, đều phải căn cứ vào chế độ và nội quy của hợp tác xã.

Đối với các khoản chi về sản xuất, kinh doanh, về xây dựng, mua sắm hoặc về phúc lợi xã hội, ngoài hoặc vượt mức kế hoạch và chế độ quy định, thì tùy tính chất và mức độ từng khoản chi mà hợp tác xã đưa ra tập thể ban quản trị hoặc đại hội xã viên thảo luận và quyết định, cá nhân không được tự ý quyết định.

Các khoản tạm chi, tạm ứng phải được thanh toán kịp thời ; chi về kỳ kinh doanh, sản xuất nào phải được thanh toán xong trong kỳ đó, không được để dồn sang kỳ sau.

Các khoản thu, chi phải ghi rõ ràng, đúng sự thực và kịp thời vào sổ sách theo từng khoản. Các khoản thu, chi phải có hóa đơn, chứng từ ban đầu theo đúng chế độ Nhà nước quy định.

Chương III

XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ CÁC LOẠI QUỸ
VÀ VỐN CỦA HỢP TÁC XÃ

Điều 8. — Đề tăng cường nguồn vốn sản xuất, kinh doanh, nâng dần phúc lợi tập thể và đời sống lâu dài của xã viên, hợp tác xã phải huy động cổ phần xã viên và hết sức coi trọng việc xây dựng, quản lý và sử dụng tốt các loại quỹ không chia của hợp tác xã : quỹ khấu hao, quỹ tích lũy và quỹ công ích.

Điều 9. — Hợp tác xã phải động viên góp cổ phần để làm vốn cho hợp tác xã hoạt động ; phải xác định mức cổ phần nghĩa vụ, nhất là trong các trường hợp sáp nhập hợp tác xã ; phải thu đầy đủ số cổ phần nghĩa vụ ; ngoài ra cần tận dụng mọi nguồn vốn riêng của xã viên để phát triển sản xuất.

Điều 10. — Đề bù đắp hao mòn tài sản cố định, hợp tác xã phải tính khấu hao các tài sản cố định dùng cho sản xuất và trích lập quỹ khấu hao. Công thức tính như sau :

$$\text{Khấu hao cơ bản} = \frac{\text{Nguyên giá tài sản cố định} - \text{Giá trị tàn dư}}{\text{Thời gian sử dụng}} + \text{Phí tổn thanh toán}$$

Tùy từng ngành nghề và trình độ trang bị kỹ thuật, hợp tác xã xác định một tỷ lệ khấu hao sửa chữa lớn căn cứ vào yêu cầu sửa chữa lớn tài sản cố định.

Trường hợp đưa thêm tài sản cố định mới vào sản xuất hay rút bớt tài sản cố định, hay trường hợp phải xác định lại nguyên giá tài sản cố định trước xác định chưa đúng, thì hợp tác xã chỉ tính khấu hao tăng thêm hay giảm bớt kể từ ngày 1 tháng sau.

Quỹ khấu hao dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, trả nợ ngân hàng Nhà nước (về khoản vay để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và sửa chữa lớn tài sản cố định).

Điều 11. — Đề không ngừng tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật của hợp tác xã và bảo đảm vốn sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã phải xây dựng quỹ tích lũy.

Quỹ tích lũy gồm các khoản trích trong thu nhập để phân phối của hợp tác xã, khoản tiền thuế được trích giảm, các khoản tặng thưởng, các khoản thu nhập không chia hoặc không phải hoàn trả, các khoản thu được về thanh toán tài sản cố định dùng cho sản xuất.

Quỹ tích lũy chỉ được sử dụng vào các việc sau đây :

— Mua sắm thiết bị, máy móc, công cụ ; xây dựng nhà xưởng, kho tàng dùng cho sản xuất ; hoàn trả cổ phần bằng tài sản cố định cho xã viên ; trả nợ tiền vay ngân hàng Nhà nước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ; trích bổ sung cho vốn lưu động ;

— Từng kỳ sản xuất, tùy sự cần thiết, đại hội (hoặc đại hội đại biểu) xã viên quyết định trích một phần quỹ tích lũy để chi về chế độ sản phẩm mới ; về bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ sản xuất ; về các biện pháp tổ chức kỹ thuật.

Điều 12. — Đề bảo đảm nâng dần phúc lợi tập thể, chăm lo đời sống xã viên một cách lâu dài, hợp tác xã phải xây dựng quỹ công ích.

Quỹ công ích gồm khoản trích trong thu nhập để phân phối của hợp tác xã, các khoản tặng thưởng và các khoản thu được về thanh toán tài sản cố định được mua sắm bằng quỹ công ích.

Quỹ công ích có hai phần :

— Phần quỹ phúc lợi xã hội, dùng để chi cho các công việc thuộc về phúc lợi tập thể như xây dựng trạm xá, tủ thuốc, câu lạc bộ, nhà ăn, ở, nhà giữ trẻ, nhà mẫu giáo, nhà vệ sinh phụ nữ, v.v... và chi về bảo hiểm xã hội như trợ cấp tai nạn lao động, ốm đau, sinh đẻ, già yếu, mất sức lao động, trợ cấp con, hưu trí, chết...
Tel: +84-8-3845 6684

— Phần quỹ giáo dục, khen thưởng, dùng để chi cho các công việc nâng cao đời sống tinh thần và trình độ mọi mặt của xã viên như mua sách báo ; mở lớp bồi dưỡng kỹ thuật, nghiệp vụ, văn hóa, chính trị ; trợ cấp cho xã viên đi dự các lớp huấn luyện ; chi về khen thưởng sáng chế phát minh, cải tiến kỹ thuật, khen thưởng thi đua....

Theo sự hướng dẫn của liên hiệp hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, hợp tác xã phải xây dựng các chế độ phúc lợi tập thể, chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ giáo dục, khen thưởng. Trong các chế độ phúc lợi tập thể, chế độ bảo hiểm xã hội, cần có mức độ chiều cố thích đáng đối với những xã viên có công xây dựng hợp tác xã và đối với những xã viên sản xuất hoặc công tác liên tục lâu năm trong hợp tác xã. Các chế độ này phải được liên hiệp hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp khu phố, thị xã hay huyện xét duyệt trước khi thi hành.

Điều 13. — Trong quá trình thực hiện hợp đồng với các xí nghiệp, cơ quan Nhà nước, đề phát huy tác dụng giáo dục đối với xã viên :

— Trong trường hợp hợp tác xã được thưởng, hợp tác xã dùng một phần tiền thưởng thích đáng để thưởng cho các bộ phận hoặc xã viên

có thành tích trong việc thực hiện hợp đồng ; phần tiền thưởng còn lại thì bỏ vào quỹ công ích của hợp tác xã để tăng phúc lợi chung ;

— Trong trường hợp bị phạt, hợp tác xã trích thu nhập của các bộ phận hoặc xã viên mắc sai phạm trong việc thực hiện hợp đồng để nộp phạt; nếu không đủ thì có thể trích một phần quỹ công ích.

Điều 14. — Hợp tác xã phải thống nhất quản lý và sử dụng các quỹ không chia của hợp tác xã theo đúng mục đích, nội dung của từng quỹ. Trong trường hợp cần thiết để bảo đảm sản xuất, kinh doanh liên tục, hợp tác xã có thể dùng quỹ này để chi thay cho quỹ khác (trừ phần khấu hao các tài sản mua sắm bằng vốn vay của ngân hàng Nhà nước) ; ban quản trị phải báo cáo việc này cho hội nghị xã viên biết và bảo đảm trả lại đầy đủ trong thời hạn ngắn nhất.

Để việc quản lý các quỹ được chặt chẽ, hợp tác xã phải gửi tiền quỹ vào ngân hàng Nhà nước, ngay sau khi trích lập các quỹ ; khi cần thiết rút ra, hợp tác xã phải sử dụng theo mục đích quy định.

Điều 15. — Hợp tác xã phải quản lý vốn cố định và vốn lưu động của hợp tác xã theo đúng chế độ, nội quy chặt chẽ.

a) Vốn cố định của hợp tác xã gồm có giá trị còn lại của các loại tài sản cố định của hợp tác xã. Để bảo đảm việc tính khấu hao tài sản cố định cho đúng, tài sản cố định của hợp tác xã phải được tính theo nguyên giá, hợp tác xã không được tự động thay đổi nguyên giá tài sản cố định.

Tùy theo yêu cầu tiến lên nửa cơ giới và cơ giới hóa, hay yêu cầu cải tiến công cụ của từng ngành nghề, hợp tác xã xác định mức đầu tư để mở rộng vốn cố định.

b) Vốn lưu động của hợp tác xã gồm có giá trị nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, giá trị bán thành phẩm và thành phẩm tồn kho ; các khoản chi phí về sản phẩm dở dang ; tiền mặt tồn quỹ và tiền gửi ngân hàng Nhà nước thuộc vốn lưu động ; chênh lệch giữa khoản phải trả lớn hơn khoản phải thu.

Tùy theo tính chất sản xuất, kinh doanh của từng ngành nghề : làm gia công hay mua nguyên liệu bán thành phẩm, hợp tác xã cần tính toán kỹ để xác định mức đầu tư về vốn lưu động cần thiết cho sản xuất.

Các hợp tác xã từng kỳ cần tính toán lại định mức vốn lưu động, nhất là định mức vốn dự trữ.

Điều 16. — Nếu thiếu vốn để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hoặc phát triển sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã được vay vốn của ngân hàng Nhà nước.

Phải tính toán kỹ mức độ cần vay, lập kế hoạch vay vốn, sử dụng đúng nội dung, mục đích các khoản tiền vay và chấp hành đúng thể lệ vay vốn và trả nợ của ngân hàng Nhà nước.

Điều 17. — Trường hợp sáp nhập thành hợp tác xã lớn, phân chia thành hợp tác xã nhỏ, hoặc giải thể (được chính quyền địa phương duyệt y), hợp tác xã phải thanh toán các khoản tiền thuế của Nhà nước, phải thanh toán hoặc xác minh và giao nhận trách nhiệm rõ ràng đối với các khoản nợ tiền vay ngân hàng Nhà nước và các khoản nợ vay bên ngoài.

Trường hợp sáp nhập hoặc chia nhỏ, hợp tác xã phải lên phương án tập trung hoặc phân chia vốn, quỹ, quy định thống nhất mức cổ phần nghĩa vụ, đưa ra đại hội xã viên hoặc đại hội đại biểu xã viên thảo luận, quyết định và báo cáo lên liên hiệp hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp xét duyệt.

Trường hợp giải thể, hợp tác xã phải thanh toán thuế và nợ của Nhà nước, phân phối thu nhập và trả cổ phần cho xã viên, nộp các quỹ của hợp tác xã lên liên hiệp hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp tỉnh hay thành phố.

Chương IV

QUẢN LÝ TÀI SẢN VÀ TIỀN MẶT TRONG HỢP TÁC XÃ

Điều 18. — Các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp sử dụng một khối lượng lớn nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu và một số tài sản cố định ngày càng tăng, một phần quan trọng nguyên vật liệu là của Nhà nước cho gia công. Tài sản này là cơ sở thiêng liêng của chế độ xã hội chủ nghĩa, là điều kiện để hợp tác xã phát triển sản xuất, là nguồn ấm no hạnh phúc của xã viên. Hợp tác xã phải làm cho mọi người trong hợp tác xã nhận rõ trách nhiệm giữ gìn và sử dụng tốt tài sản trong hợp tác xã, không để hư hao, thất lạc, mất cắp hoặc bị tổn thất không đáng vì địch họa, thiên tai.

Ban quản trị hợp tác xã phải thống nhất quản lý các loại tài sản trong hợp tác xã, đặt chế độ trách nhiệm quản lý tài sản cho từng bộ phận (phân xưởng, tổ sản xuất) hoặc xã viên ; phải có nội quy quản lý thích hợp cho từng loại tài sản, mở sổ sách theo dõi chặt chẽ và định kỳ kiểm kê tài sản.

09672850

Điều 19. — Hợp tác xã phải phân loại tài sản : tài sản cố định, vật rẻ tiền mau hỏng, nguyên liệu, thành phẩm, để có biện pháp quản lý thích hợp.

Tài sản cố định là tất cả các tài sản sử dụng được trên một năm và trị giá trên 100đ (đối với các ngành nghề tiểu công nghiệp), và trên 50đ (đối với các ngành nghề thủ công nghiệp); không đủ hai điều kiện đó là vật rẻ tiền mau hỏng.

Liên hiệp hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phối hợp với cơ quan tài chính thành phố, tỉnh căn cứ vào tính chất của từng ngành nghề, hướng dẫn các hợp tác xã cơ sở vận dụng các tiêu chuẩn trên cho thích hợp.

Điều 20. — Yêu cầu quản lý tài sản cố định là bảo quản, giữ gìn lâu bền và sử dụng với hiệu suất cao.

— Hợp tác xã phải phân loại tài sản cố định đang dùng, chưa dùng, không cần dùng hoặc hư hỏng chờ thanh toán, mở sổ và làm thẻ theo dõi tài sản cố định về các mặt: giá trị, tình hình hao mòn, di chuyển, sửa chữa và thanh toán đối với từng tài sản ;

— 6 tháng hoặc một năm một lần, hợp tác xã phải tổ chức kiểm kê tài sản cố định, xác minh thừa, thiếu, xác định nguyên nhân và giải quyết điều chỉnh sổ sách và vốn liếng; nếu thiếu mà không có lý do chính đáng thì người có trách nhiệm quản lý phải bồi thường ;

— Hợp tác xã phải định kỳ sửa chữa lớn tài sản cố định và phân dấu thực hiện đúng các định kỳ đó.

Điều 21. — Yêu cầu quản lý vật rẻ tiền mau hỏng là không để rơi vãi, thất lạc, mất mát, và sử dụng tiết kiệm, theo các chỉ tiêu định mức.

— Hợp tác xã phải có kho chứa đựng vật rẻ tiền mau hỏng ; 3 tháng hoặc 6 tháng một lần, hợp tác xã phải tổ chức kiểm kê vật rẻ tiền mau hỏng, xác minh thừa, thiếu, hỏng, xác định nguyên nhân và giải quyết điều chỉnh lại vốn lưu động ; nếu thiếu không có lý do chính đáng thì người có trách nhiệm quản lý hoặc sử dụng phải bồi thường; trường hợp hỏng thì phải có báo hỏng ;

— Hàng tháng, tùy theo giá trị vật rẻ tiền mau hỏng dùng vào sản xuất nhiều hay ít, mà hợp tác xã phân bổ hết một lần hay phân bổ dần vào hao phí vật chất.

Điều 22. — Yêu cầu quản lý nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu là tích cực chống lãng phí, bớt xén, ăn cắp nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu của hợp tác xã và của Nhà nước; sử dụng nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu tiết kiệm theo các chỉ tiêu định mức ;

— Hợp tác xã phải có kho chứa đựng nguyên liệu ; đối với loại nguyên liệu, vật liệu hiếm, quý thì phải có kho riêng ;

— Khi nhập nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu vào kho, thủ kho phải kiểm tra số lượng, chất lượng, quy cách, đối chiếu với phiếu nhập kho, hóa đơn, chứng từ mua ;

— Khi xuất nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, thủ kho phải căn cứ vào phiếu xuất kho của chủ nhiệm (hoặc phó chủ nhiệm) phụ trách tài chính hay của người được ủy quyền duyệt; thủ kho và người nhận phải cân, đo, đếm, phải kiểm tra chất lượng và quy cách trước khi giao nhận ;

— Hợp tác xã phải xây dựng các định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu căn cứ vào mức tiết kiệm nhất và không vượt quá mức của cơ quan, xí nghiệp Nhà nước gia công đặt hàng (trong trường hợp hợp tác xã nhận làm hàng cho Nhà nước). Hợp tác xã phải sử dụng nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu theo các định mức đã xây dựng ;

— Ít nhất 3 tháng một lần, hợp tác xã phải kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, xác minh thừa thiếu, xác định nguyên nhân và cách giải quyết. Nếu thừa nguyên liệu nhận gia công, thì hợp tác xã phải trả lại cho khách hàng gia công ; nếu thừa nguyên liệu của hợp tác xã do cân, đo, đếm, nhầm lẫn thì giảm chi phí; thừa không có lý do thì ghi tăng vốn lưu động. Nếu thiếu nguyên liệu trong định mức thì tính vào hao phí vật chất; nếu thiếu ngoài định mức có lý do chính đáng thì ghi giảm vốn lưu động; thiếu không có lý do chính đáng thì đơn vị hay cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng phải bồi thường.

Điều 23. — Yêu cầu quản lý sản phẩm dở dang, bán thành phẩm và thành phẩm là không để hư hao, thất lạc, mất mát, và bảo đảm số lượng, chất lượng, quy cách hàng hóa qua từng dây chuyền sản xuất :

— Hợp tác xã phải có kho bán thành phẩm và thành phẩm; đối với loại sản phẩm làm bằng nguyên liệu hiếm, quý thì phải có kho riêng ;

— Trong việc giao nhận sản phẩm dở dang hoặc bán thành phẩm giữa bộ phận sản xuất này cho bộ phận khác tiếp tục chế biến, hợp tác xã phải có sổ sách theo dõi việc giao nhận. Bộ phận tiếp tục chế biến phải kiểm nhận số lượng, chất lượng, quy cách và chỉ nhận những sản phẩm dở dang hoặc bán thành phẩm có đủ tiêu chuẩn chất lượng, quy cách để tiếp tục chế biến ;

— Bộ phận hoặc cá nhân làm ra những sản phẩm dở dang hoặc bán thành phẩm và thành

phẩm không đủ tiêu chuẩn phẩm chất, quy cách, có trách nhiệm sửa chữa hoặc làm lại, không được tính công lần thứ hai;

— Đối với những sản phẩm bị hư hỏng mà không thể sửa chữa hoặc làm lại được thì hợp tác xã phải có hình thức xử phạt người làm ầu, phải ước định giá và nhập kho phế phẩm;

— Trước khi đưa thành phẩm và bán thành phẩm vào kho, thủ kho phải kiểm nhận số lượng, chất lượng, quy cách và chỉ nhận những thành phẩm và bán thành phẩm đủ tiêu chuẩn kỹ thuật;

— Hàng tháng hoặc ít nhất 3 tháng một lần, hợp tác xã phải kiểm kê kho thành phẩm, bán thành phẩm, xác minh thừa, thiếu, xác định nguyên nhân và giải quyết như đối với nguyên liệu.

Điều 24. — Những hợp tác xã làm gia công hoặc mua nguyên liệu bán thành phẩm cho xí nghiệp, cơ quan Nhà nước, phải bảo đảm giao lại cho cơ quan, xí nghiệp đặt hàng đầy đủ số lượng sản phẩm làm ra với số nguyên liệu, vật liệu của cơ quan, xí nghiệp Nhà nước; hợp tác xã phải mở sổ theo dõi riêng nguyên liệu gia công (mở tài khoản riêng ngoài bảng tổng kết tài sản của hợp tác xã).

Theo đúng chính sách, thể lệ hiện hành của Nhà nước và hợp đồng ký kết giữa đôi bên, hợp tác xã phải yêu cầu các xí nghiệp gia công đặt hàng cung cấp đầy đủ nguyên liệu, vật liệu, phụ tùng, v.v.; cần thiết cho sản xuất hoặc giới thiệu cho đi mua ở cơ quan có trách nhiệm cung cấp, tuyệt đối không mua các loại vật tư ăn cắp, cương quyết chống mọi việc thông đồng lấy cắp vật tư ở các kho tàng, công trường, xí nghiệp Nhà nước.

Điều 25. — Hợp tác xã phải mở sổ sách kế toán, lập thẻ và chứng từ cần thiết theo chế độ Nhà nước quy định để theo dõi quản lý tài sản về số lượng, chất lượng, giá trị của từng loại và xây dựng nội quy quản lý thích hợp với từng loại.

Các phân xưởng, tổ sản xuất căn cứ đặc điểm tình hình của bộ phận mình mà xây dựng các nội quy cụ thể.

Điều 26. — Trong quá trình sản xuất, nếu tài sản của hợp tác xã bị tổn thất:

— Do hoàn cảnh khách quan gây nên, thì hợp tác xã trị giá tài sản bị thiệt hại, xác định lại vốn và tìm cách giải quyết vốn để cho sản xuất được tiếp tục;

— Do đơn vị hoặc cá nhân thiếu trách nhiệm gây nên thì đơn vị hoặc cá nhân đó phải bồi thường.

Đại hội (hoặc đại hội đại biểu) xã viên quy định quyền hạn giải quyết các trường hợp bị tổn thất,

như quy định chủ nhiệm được quyền giải quyết đến mức bao nhiêu, ban quản trị giải quyết đến mức bao nhiêu và từ bao nhiêu trở lên thì phải đưa ra đại hội xã viên giải quyết.

Điều 27. — Hợp tác xã phải quản lý chặt chẽ các khoản thu chi bằng tiền mặt:

— Ban quản trị hợp tác xã phải thống nhất việc quản lý sử dụng tiền mặt. Các trưởng của hàng được ủy nhiệm thu tiền mặt, phải tập trung tiền lên hợp tác xã theo đúng thời gian quy định, không được tự ý chi tiêu rồi thanh toán bằng chứng từ (trừ trường hợp được ban quản trị ủy nhiệm chi từng khoản cụ thể một);

— Trong việc giao dịch thanh toán với khách hàng, hợp tác xã cần thanh toán bằng séc hoặc chuyển khoản qua ngân hàng Nhà nước. Hợp tác xã chỉ được giữ ở quỹ tiền mặt một số tiền nhất định để đáp ứng các chi tiêu thông thường hàng ngày, quá mức đó phải gửi vào ngân hàng Nhà nước.

Điều 28. — Hợp tác xã phải có nội quy khen thưởng và kỷ luật về bảo vệ và quản lý tài sản, tiền mặt. Ai bảo quản tốt được khen thưởng; ai thiếu tinh thần trách nhiệm để hư hỏng, mất mát tài sản phải bồi thường và chịu kỷ luật.

Người nào cố ý phá hoại làm thiệt hại tài sản của hợp tác xã thì tùy theo mức độ mà thi hành kỷ luật thích đáng hoặc đề nghị truy tố trước pháp luật.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH CÔNG KHAI VÀ CHẾ ĐỘ KIỂM TRA TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN TRONG HỢP TÁC XÃ

Điều 29. — Đề tăng cường quản lý kinh tế — tài chính trong hợp tác xã, ngăn ngừa lãng phí, tham ô, hợp tác xã phải không ngừng giáo dục nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và tinh thần làm chủ tập thể của xã viên, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ tập thể của xã viên về quản lý tài chính, phải thực hiện chế độ tài chính công khai và chế độ kiểm tra tài chính kế toán.

Chế độ tài chính công khai có mục đích làm cho xã viên hiểu rõ tình hình thu chi và quản lý tài chính của hợp tác xã, đánh giá được hiệu quả của số vật tư, lao động và tiền vốn đã sử dụng, đề góp phần tích cực nhất của mình vào việc sản xuất, kinh doanh và quản lý hợp tác xã và tăng cường đoàn kết thống nhất trong nội bộ hợp tác xã.

Nội dung của chế độ tài chính công khai gồm việc báo cáo, phân tích, thảo luận trong xã viên và tổ chức kiểm tra khi xét cần thiết về :

— Tình hình sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã sau từng kỳ quyết toán hoặc thực hiện một hợp đồng ;

— Tình hình thu nhập và phân phối thu nhập ;

— Tình hình thu chi quỹ khấu hao, quỹ tích lũy, quỹ công ích ;

— Tình hình thu chi tiền mặt, tình hình vay nợ, trả nợ, và tình hình tiền gửi ngân hàng Nhà nước ;

— Tình hình mua sắm máy móc, kiến thiết cơ bản và quyết toán từng công trình ;

— Ở từng phân xưởng hay tổ sản xuất : thống kê số nguyên liệu nhập và sử dụng ; số ngày giờ lao động và số sản phẩm làm ra ;

— v.v....

Cần chú ý phân tích rõ các hoạt động có quan hệ với thị trường tự do và thu chi bằng tiền mặt, như mua nguyên liệu và thuê phương tiện vận tải bên ngoài, bán hàng tự do, v.v....

Yêu cầu của báo cáo tài chính công khai là phải minh bạch, dễ hiểu, đầy đủ, kịp thời. Hình thức báo cáo phải thích hợp với trình độ hiểu biết của xã viên và phải trình bày những công việc cụ thể để xã viên nghe có thể hiểu và liên hệ được những điều nghe báo cáo với công việc hàng ngày của mình và hoạt động hàng ngày mình thấy trong hợp tác xã. Phải :

— Tổ chức niêm yết ở phân xưởng, tổ sản xuất và ở trụ sở ban quản trị các số liệu, tài liệu, tình hình mà xã viên có thể kiểm tra theo dõi ;

— Tổ chức cho các xã viên trao đổi, thảo luận, chất vấn về các vấn đề nêu trên, tổ chức thu thập các thắc mắc hoặc ý kiến của xã viên và nghiên cứu giải quyết ;

— Tổ chức việc báo cáo tài chính công khai ở đại hội (hoặc đại hội đại biểu) xã viên, ở hội nghị ban quản trị và ban kiểm soát mở rộng và ở phân xưởng hay tổ sản xuất.

Điều 30. — Chế độ kiểm tra tài chính, kế toán hợp tác xã nhằm mục đích thúc đẩy việc chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách, chế độ của Nhà nước và nội quy của hợp tác xã về quản lý tài chính, phát hiện kịp thời thiếu sót, và ngăn ngừa lãng phí, tham ô, đưa công tác quản lý tài chính — kế toán hợp tác xã đi vào nề nếp.

Việc kiểm tra tài chính làm toàn diện hay từng mặt, tuần kỳ hay bất thường, ban kiểm soát của hợp tác xã chịu trách nhiệm tổ chức các đợt kiểm tra và sau mỗi đợt kiểm tra phải báo cáo kết quả cho xã viên biết. Hàng ngày, mỗi xã viên có trách nhiệm theo dõi, giám đốc mọi hoạt động tài chính trong hợp tác xã theo đúng chế độ của Nhà nước và nội quy quản lý của hợp tác xã.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG NỘI BỘ HỢP TÁC XÃ ; TỔ CHỨC BỘ MÁY TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN HỢP TÁC XÃ

Điều 31. — Với sự hướng dẫn của liên hiệp hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, hợp tác xã căn cứ vào chế độ quản lý tài chính hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của Nhà nước để định nội quy quản lý tài chính của hợp tác xã ; nội quy này phải được đại hội xã viên hoặc đại hội đại biểu xã viên thông qua và phải được Ủy ban hành chính huyện, thị xã hoặc khu phố duyệt y trước khi thi hành.

Điều 32. — Tài chính là huyết mạch của hợp tác xã, xã viên là người làm chủ tập thể hợp tác xã. Mọi vấn đề có liên quan đến quản lý tài chính hợp tác xã như lập kế hoạch tài chính, lập dự án phân phối thu nhập của hợp tác xã, xây dựng các chế độ phúc lợi tập thể, bảo hiểm xã hội, giáo dục, khen thưởng, xử lý các vụ vi phạm chế độ, nội quy quản lý tài chính trong hợp tác xã, v.v... đều phải đưa ra đại hội xã viên hoặc đại hội đại biểu xã viên bàn bạc và quyết định.

Thường xuyên hàng ngày và trong các kỳ đại hội, xã viên có quyền chất vấn và góp ý kiến với ban quản trị và ban kiểm soát hợp tác xã về mọi mặt của công tác quản lý tài chính hợp tác xã.

Điều 33. — Ban quản trị chịu trách nhiệm tổ chức công tác tài chính trong hợp tác xã, chấp hành các chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế — tài chính trong hợp tác xã, trình duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính và các nội quy quản lý tài chính ; thực hiện chế độ tài chính công khai, báo cáo tài chính đúng kỳ hạn ; tổ chức và chỉ đạo bộ máy tài chính, kế toán hợp tác xã.

Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra tài chính — kế toán của hợp tác xã, kiểm tra việc thi hành các chính sách, chế độ quản lý kinh tế — tài chính của Đảng và Nhà nước trong hợp tác xã. Gặp trường hợp nội quy quản lý tài chính bị vi phạm, ban kiểm soát có quyền nêu ý kiến với ban quản trị để ngăn chặn ; nếu ý kiến đó không được thực hiện, ban kiểm soát có quyền báo cáo với liên hiệp hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, hoặc với đại hội xã viên trong kỳ họp gần nhất.

Điều 34. — Chủ nhiệm (hoặc phó chủ nhiệm) phụ trách tài chính hợp tác xã có trách nhiệm dự thảo các kế hoạch tài chính, các báo cáo quyết toán, các nội quy quản lý tài chính để ban quản

trị trình đại hội xã viên xét và quyết định; thay mặt ban quản trị tổ chức chấp hành các chính sách, thể lệ về thuế khóa, tín dụng... của Nhà nước; chỉ đạo công tác tài chính—kế toán của hợp tác xã.

Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về công tác kế toán của hợp tác xã phải kiểm tra việc chấp hành nguyên tắc, chế độ, nội quy và kỷ luật tài chính trong hợp tác xã. Gặp trường hợp ban quản trị quyết định các việc thu chi không đúng chế độ, kế toán trưởng có quyền yêu cầu chấp hành đúng; nếu ý kiến đó không được chấp nhận thì kế toán trưởng vừa chấp hành quyết định của ban quản trị vừa báo cáo kịp thời với ban kiểm soát hợp tác xã, với liên hiệp hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Kế toán trưởng không được kiêm thủ quỹ, thủ kho và tiếp liệu.

Điều 35. — Ngoài ủy viên tài chính và kế toán trưởng, hợp tác xã cần cử thủ quỹ, thủ kho và nhân viên tiếp liệu riêng.

— Thủ quỹ có trách nhiệm quản lý tiền mặt của hợp tác xã theo chế độ của ngân hàng Nhà nước và nội quy của hợp tác xã; căn cứ chứng từ hợp lệ, thu phát và thanh toán tiền mặt đúng chế độ quy định; đơn đốc các đơn vị thuộc hợp tác xã nộp tiền đúng thời hạn quy định; phát hiện tình hình sử dụng tiền mặt không đúng nguyên tắc, chế độ đề kịp thời ngăn chặn.

— Thủ kho có trách nhiệm tổ chức giữ gìn bảo quản chu đáo tài sản ở kho; chấp hành đầy đủ nguyên tắc kế toán kho, có đầy đủ chứng từ hợp lệ khi xuất nhập kho, thường xuyên kiểm tra số lượng và chất lượng tài sản trong kho; tuần kỳ báo cáo tình hình tồn kho cho ban quản trị; chịu trách nhiệm về sự mất mát, hư hỏng tài sản ở kho.

Điều 36. — Ủy viên tài chính, kế toán trưởng, thủ quỹ, hợp thành bộ máy tài chính, kế toán của hợp tác xã. Đề bảo đảm công tác quản lý tài chính tiến hành được thường xuyên, hợp tác xã phải chuyên môn hóa cán bộ tài vụ kế toán, nhất là kế toán trưởng. Việc cử hoặc thay đổi kế toán trưởng phải được đại hội xã viên hoặc đại hội đại biểu xã viên quyết định và Ủy ban hành chính huyện, thị xã hoặc khu phố duyệt y.

Điều 37. — Đề bảo đảm yêu cầu tăng cường quản lý tài chính, công tác kế toán trong hợp tác xã phải được tổ chức theo đúng chế độ kế toán hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

Đề bảo đảm việc hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan có trách nhiệm đối với việc quản lý tài chính, hợp tác xã, từng kỳ sản xuất, kinh doanh hợp tác xã phải gửi bảng báo cáo quyết toán và

bảng cân đối tài khoản, cuối năm phải gửi bảng tổng quyết toán và bảng tổng kết tài sản cho liên hiệp hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, cơ quan tài chính và ngân hàng Nhà nước ở huyện, thị xã hoặc khu phố.

Hà nội, ngày 6 tháng 8 năm 1968

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

QUYẾT ĐỊNH số 393-QĐ/CĐKT ngày 30-9-1968 ban hành chế độ kế toán hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ nghị định số 197-CP ngày 7-11-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ điều 56 của Điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước ban hành theo nghị định số 175-CP ngày 28-10-1961 của Hội đồng Chính phủ;

Căn cứ nghị quyết số 100-CP ngày 3-7-1968 của Hội đồng Chính phủ về nguyên tắc quản lý tài chính hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và giao trách nhiệm cho Bộ Tài chính ban hành chế độ kế toán hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành chế độ kế toán hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nhằm giúp hợp tác xã tăng cường quản lý kinh tế—tài chính, đẩy mạnh phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, mở rộng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cải thiện từng bước đời sống xã viên, củng cố quan hệ sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa.

Điều 2. — Chế độ kế toán này áp dụng cho tất cả các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.